TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày 24 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025;

Đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn Q**, sinh ngày 30/7/2001 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038201007395; Nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H và Đỗ Thị N; Có vợ là Hoàng Thị T và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 11/11/2024, chuyển tạm giam từ ngày 20/11/2024 đến nay; Có mặt.

2. **Đỗ Văn C**, sinh ngày 21/5/2002 tại: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038202022043; Nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1; Có vợ là Chu Hoài D và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 11/11/2024, chuyển tạm giam từ ngày 20/11/2024 đến

nay; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đỗ Văn T2, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn F, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Anh Đỗ Văn H2, sinh năm: 1994; địa chỉ: Thôn F, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Chị Chu Hoài D, sinh năm: 2003; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

4. Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 2002; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

5. Anh Đỗ Văn T1, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

6. Anh Bùi Văn K, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 08/11/2024, Phạm Văn Q liên lạc với Bùi Văn K (sinh năm 1992 trú tại xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) để hỏi mua ma túy mục đích sử dụng và bán kiếm lời. K đồng ý và hẹn gặp Q tại ngã tư xã H, huyện T. Tại đây, K bán cho Quyền 02 viên hồng phiến và một ít ma tuý đá với số tiền 800.000 đồng. Mua được ma tuý, Quyền mang về, lấy ra một phần ma tuý đá, số ma tuý còn lại cất giấu tại gốc cột bê tông cạnh sân bóng thuộc thôn T, xã X, huyện T.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/11/2024, Phạm Văn Q và Đỗ Văn C đang chơi tại đám cưới nhà ông T3 thuộc thôn X, xã X, huyện T thì Đỗ Văn T2 (sinh năm 1992), trú tại Thôn F, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa liên lạc với Phạm Văn Q qua ứng dụng Messenger hỏi Q mua ma tuý. Do đang có sẵn ma tuý nên Q hẹn T2 đến ngã tư gần nhà nghỉ T5 ở thôn X, xã X, huyện T. Sau khi hẹn T2, Q nói với C về việc có sẵn ma tuý đang cất giấu tại gốc cột bê tông cạnh sân bóng thuộc thôn T, xã X, huyện T và dặn C nhận tiền của T2 rồi lấy ma tuý mang về bán cho T2, số tiền này Q thỏa thuận sẽ chia cho C một nửa. Sau đó Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36X1- 5517 chở C đến gặp T2.

Sau khi Q, C và T2 gặp nhau, cả ba cùng đi đến khu vực đồi cây thuộc thôn T, xã X, huyện T. Tại đây, C nhận của T2 số tiền 1.200.000 đồng sau đó đến quán của chị Vân A (sinh năm 2002) ở thôn X, xã X ngồi uống nước khoảng 20 phút rồi đến cửa hàng điện thoại của anh Lê Văn D1 (sinh năm 1983) ở thôn X, xã X nhờ anh D1 chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng M1 số 0705904714 của C. Đổi tiền xong, C quay lại vị trí cột bê tông cạnh sân bóng thuộc thôn T, xã X lấy gói giấy bạc chứa 02 viên Hồng phiến và một ít ma tuý đá

mang về vị trí đã hẹn giao cho T2. C cho T2 50.000 đồng để đổ xăng đi về và chuyển 550.000 đồng cho Q như đã thoả thuận. Khi T2 ra về, Quyền lấy ma túy mà trước đó Q đã bớt lại và ngồi tại đây sử dụng hết một phần, còn C tự lấy một ít mang về nhà sử dụng.

Mua được ma tuý, vào khoảng hơn 22 giờ ngày 10/11/2024 T2 mang đến khu vực đường Đ qua khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa sử dụng hết 02 viên hồng phiến, số ma tuý đá T2 chưa kịp sử dụng thì bị tổ công tác của Công an huyện T cùng Công an thị trấn T phát hiện, thu giữ, niêm phong trong phong bì kí hiệu M.

Xét nghiệm chất ma tuý trong cơ thể Đỗ Văn T2 xác định dương tính với ma tuý loại Methamphetamine.

Ngày 11/11/2024, quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Phạm Văn Q và Đỗ Văn C xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn Q và Đỗ Văn C, Cơ quan điều tra không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Xét nghiệm chất ma tuý trong cơ thể, xác định Phạm Văn Q và Đỗ Văn C dương tính với ma tuý loại Methamphetamine.

Đối với Bùi Văn K, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không đủ căn cứ chứng minh hành vi bán trái phép chất ma túy của K.

Ngày 12/11/2024 Cơ quan điều tra ra Quyết định số 1357/QĐ-ĐCSMT trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh T giám định chất ma tuý đối với mẫu vật đã thu giữ của Đỗ Văn T2. Tại Bản kết luận giám định số: 4348/KL-KTHS ngày 14/11/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Chất tinh thể màu trắng hồng của phong bì niêm phong mặt trước ghi "Ký hiệu: M" gửi giám định là ma tuý, có tổng khối lượng 0,014g loại: Methamphetamine.

Điện thoại mà Đỗ Văn T2 sử dụng liên lạc mua ma túy vào ngày 10/11/2024 là do T2 mượn của anh Đỗ Văn H2, anh H2 không biết việc T2 sử dụng vào việc mua ma túy; Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36X1- 5517 là của ông Đỗ Văn T1 - bố của C, ông T1 không biết C sử dụng xe vào việc mua bán ma túy. Do đó Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A95 màu xanh (thu giữ của Phạm Văn Q) xác định là của chị Hoàng Thị T (sinh năm 2002) - vợ của Phạm Văn Q. Khi Q lấy điện thoại sử dụng, chị T không biết Quyền sử dụng để liên hệ mua bán ma túy nên không có căn cứ xử lý đối với chị Hoàng Thị T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C màu xanh dương, (thu giữ của Đỗ Văn C) xác định là của chị Chu Hoài D (sinh năm 2003) - vợ của Đỗ Văn C. Ngày 10/11/2024 C tự ý lấy điện thoại sử dụng liên lạc mua bán ma túy, chị D không biết nên không có căn cứ xử lý đối với chị D, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị D.

Vật chứng vụ án: 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên của Lê Minh T4, Trịnh Văn M và các hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T là số ma túy còn lại sau giám định. Hiện đang được quản lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSTX ngày 07/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố: Các bị cáo Phạm Văn Q, Đỗ Văn C về tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy"* quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phạm Văn Q, Đỗ Văn C đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Đỗ Văn C phạm tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự;

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Q, xử phạt bị cáo từ 30 đến 33 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn C, xử phạt bị cáo từ 24 đến 26 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy còn lại sau giám định.

Truy thu của bị cáo Phạm Văn Q 550.000đ *(năm trăm năm mươi nghìn đồng)*; bị cáo Đỗ Văn C 650.000đ *(sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đều có ý kiến xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật

tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản vụ việc, biên bản khám xét, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Phạm Văn Q và Đỗ Văn C có quan hệ quen biết nhau. Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/11/2024 khi Q và C đang chơi tại đám cưới nhà ông T3 thuộc thôn X, xã X, huyện T thì Đỗ Văn T2 gọi điện cho Q hỏi mua ma tuý. Sẵn có ma tuý đang cất giấu, thì Q đồng ý bán cho T2. Quyền đã bàn bạc và thống nhất với C việc bán ma túy cho T2, Q giao cho C đi lấy ma tuý (gồm 02 viên hồng phiến và ma túy đá) cất giấu tại vị trí cột bê tông cạnh sân bóng thuộc thôn T, xã X bán cho T2 lấy số tiền 1.200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T2 đã sử dụng hết 02 viên hồng phiến, số ma túy còn lại có trọng lượng 0,014g, loại Methamphetamine (ma túy đá) thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Các bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của các bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về các chất ma tuý. Đây là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội; Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo, bắt cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C đều lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, xét sau khi phạm tội, các bị cáo đã ra “Đầu thú”; riêng bị cáo Đỗ Văn C có ông nội là người có công với Cách mạng, nên các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật

hình sự. Do đó, cần xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm hòa nhập với xã hội.

[5] Vụ án không có tính tổ chức, mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Phạm Văn Q là người chuẩn bị chất ma túy và rủ rê bị cáo Đỗ Văn C cùng tham gia thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy, nên bị cáo Q phải chịu trách nhiệm ở vai trò chính trong vụ án; Bị cáo Đỗ Văn C là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Q, nên chỉ phải chịu trách nhiệm ở vai trò sau trong vụ án.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần thiết phải xử phạt các bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giam đối với các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C hiện không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về số tiền do phạm tội mà có: Bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C bán trái phép chất ma túy cho Đỗ Văn T2, hưởng lợi số tiền 1.200.000 đồng. Trong đó, phần bị cáo Q được hưởng lợi 550.000 đồng, bị cáo C được hưởng lợi 650.000 đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có, vì vậy cần phải truy thu từ các bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về vật chứng vụ án: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy là mẫu vật còn lại sau giám định, hiện được đựng trong 01 phong bì niêm phong, do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành. Đây là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy. Vật chứng hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[10] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Qúa trình điều tra, Bùi Văn K không thừa nhận việc bán ma túy cho Phạm Văn Q. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không đủ căn cứ chứng minh hành vi bán trái phép chất ma túy của K, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc điện thoại mà Đỗ Văn T2 sử dụng liên lạc mua ma túy vào ngày 10/11/2024 là do T2 mượn của anh Đỗ Văn H2 (sinh năm 1994), anh H2 không biết việc T2 sử dụng vào việc liên hệ mua ma túy; Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36X1- 5517 là của ông Đỗ Văn T1 (bố của Đỗ Văn C), ông T1 không biết C đã sử dụng xe vào việc mua bán ma túy, nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A95 màu xanh thu giữ của Phạm Văn Q, xác định là điện thoại của chị Hoàng Thị T (sinh năm 2002) - vợ của Phạm Văn Q. Khi Q lấy điện thoại sử dụng, chị T không biết Quyền sử dụng để liên hệ mua bán ma túy, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C màu xanh dương thu giữ của Đỗ Văn C, xác định là của chị Chu Hoài D (sinh năm 2003) - vợ của Đỗ Văn

C. Ngày 10/11/2024 C tự ý lấy điện thoại sử dụng liên lạc mua bán ma túy, chị D không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị D là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn Q và Đỗ Văn C; hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy của Đỗ Văn T2, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Văn Q, Đỗ Văn C và Đỗ Văn T2 theo quy định.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy",

- Xử phạt Phạm Văn Q 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2024.

- Xử phạt Đỗ Văn C 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2024.

2. Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Phạm Văn Q 550.000đ *(năm trăm năm mươi nghìn đồng)*; bị cáo Đỗ Văn C 650.000đ *(sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành. Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 24 ngày 10/02/2024.

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn Q và Đỗ Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến